TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh H.

2. Ông Lý Quốc Tr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc T – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 51/2022/TLST- DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thanh Ng, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Tân Th, xã TT, huyện M, tỉnh L;

2. Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp Tân Th, xã TT, huyện M, tỉnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam; địa chỉ: Số 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài Nh – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M.

Bà Ng có mặt tại điểm cầu thành phần đặt tại UBND thị trấn BPT.

Ông N, ông Nh vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh Ng: Bà Đoàn Thị Thanh Ng yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn N. Về con chung, bà Ng yêu cầu nuôi dưỡng con chung Võ Huỳnh Tr1, sinh ngày 17/10/2004, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đã trả xong vào ngày 01/8/2022 nên xác định không có. Bà Ng đồng ý chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Yêu cầu, đề nghị của ông Võ Văn N: Ông Võ Văn N vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Đoàn Thị Thanh Ng cung cấp: Giấy khai sinh của hai con chung là Võ Văn Kh, sinh ngày 04/5/1999 và Võ Huỳnh Tr1, sinh ngày 17/10/2004 (bản photo).

Chứng cứ do ông Võ Văn N cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Đoàn Thị Thanh Ng trình bày:

Bà và ông N tổ chức lễ cưới năm 1999, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, bà và ông N có hai con chung là Võ Văn Kh, sinh ngày 04/5/1999 và Võ Huỳnh Tr1, sinh ngày 17/10/2004.

Do bà và ông N thường xuyên cãi vã, ông N thường xuyên đánh bà dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N. Về con chung, bà Ng yêu cầu nuôi dưỡng con chung Võ Huỳnh Tr1, sinh ngày 17/10/2004 do Trâm bị khuyết tật từ nhỏ, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Bà Ng đã trả nợ Ngân hàng Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện M vào ngày 01/8/2022.

Bà Ng yêu cầu không hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử. Bà Ng đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Bà Đoàn Thị Thanh Ng và ông Võ Văn N không có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Bà Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định

tại Luật Hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Võ Văn N: Ông Võ Văn N vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông N.

[3]. Về việc xác định lại tư cách tham gia tố tụng của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam: Bà Đoàn Thị Thanh Ng cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ hoàn tất cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam nên không cần thiết đưa Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[4.]. Về yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị Thanh Ng đối với ông Võ Văn N:

[4.1]. Bà Ng trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng chung sống. Ông N vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp chứng cứ phản bác lời trình bày của bà Ng nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của bà Ng để giải quyết theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2]. Theo lời trình bày của bà Ng, bà và ông N thường xuyên cãi vã, ông N thường xuyên đánh bà dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Ng đã nhiều lần khuyên can, ông N cũng hứa hẹn thay đổi nhưng rồi vẫn vậy. Hiện nay, cả hai dù còn sống chung nhà nhưng đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều này thể hiện hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc ông N vắng mặt thể hiện ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Bà Ng xác định không còn tình cảm với ông N, điều này thể hiện tình nghĩa quan hệ như vợ chồng giữa bà Ng và ông N không còn. Đồng thời, thể hiện việc chung sống giữa bà Ng và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

[4.3]. Bà Đoàn Thị Thanh Ng và ông Võ Văn N không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn

nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu ly hôn của bà Ng đối với ông N, tuyên bố quan hệ giữa bà Ng và ông N không phải là vợ chồng.

[5]. Về con chung*:*

[5.1]. Con chung là Võ Văn Kh, sinh ngày 04/5/1999 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5.2]. Con chung Võ Huỳnh Tr1, sinh ngày 17/10/2004 do Trâm bị khuyết tật từ nhỏ, bà Ng yêu cầu nuôi con chung, ông N vắng mặt không có ý kiến. Xét thấy con chung là con gái, lại bị khuyết tật nên bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ tốt hơn. Do đó, căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Ng.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, bà Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ông N không có ý kiến. Do đó, chấp nhận ý kiến của bà Ng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị Thanh Ng xác định không có tài sản chung, ông N không có ý kiến nên ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Ng về việc không có tài sản chung.

[8]. Về nợ chung: Ông Võ Văn N vắng mặt, không có ý kiến. Bà Đoàn Thị Thanh Ng xác định có nợ chung là nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Bà Ng cung cấp chứng cứ đã trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện M vào ngày 01/8/2022 nên ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Ng xác định không còn nợ chung.

[9] Về án phí: Bà Đoàn Thị Thanh Ng phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đoàn Thị Thanh Ng đối với ông Võ Văn N. Quan hệ giữa bà Đoàn Thị Thanh Ng và ông Võ Văn N không phải là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị Thanh Ng về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà Ng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Võ Huỳnh Tr1, sinh ngày 17/10/2004, hiện đang sống với bà Ng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Đoàn Thị Thanh Ng xác định không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Đoàn Thị Thanh Ng xác định không có nợ chung.

5. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Đoàn Thị Thanh Ng phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà Ng đã nộp theo biên lai số 00010431 ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà Ng đã nộp đủ án phí.

6. Về kháng cáo: Bà Đoàn Thị Thanh Ng có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1